

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN
KHU CÔNG NGHIỆP NAM TÂN UYÊN

Tháng 06 năm 2021



MỤC LỤC

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	1
Điều 1. Giải thích từ ngữ.	1
CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	2
CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	3
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	3
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.	4
CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	5
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.	5
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.	5
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	6
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	6
Điều 10. Thu hồi cổ phần	6
CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	7
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	7
CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	7
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	7
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	9
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội cổ đông	12
Điều 17. Thay đổi các quyền	13
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông..	15
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	17
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	18

STOP
C
C
H
H
N
T
A
N

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	20
CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	21
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	22
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	24
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	25
Điều 31. Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị	27
Điều 32. Thư ký.....	27
CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	27
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	27
Điều 34. Người điều hành công ty.....	28
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	28
CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT HOẶC ỦY BAN KIỂM TRA TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	29
Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	29
Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát.....	29
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát.....	30
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	30
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	31
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	31
CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	31
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	31
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	32
CHƯƠNG XI: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	33
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	33
CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	34
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn.....	34
CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	34
Điều 46. Phân phối lợi nhuận	34
CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	35

Điều 47. Tài khoản ngân hàng	35
Điều 48. Năm tài chính	35
Điều 49. Hệ thống kế toán	35
CHƯƠNG XV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	35
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và hàng quý.....	35
Điều 51. Báo cáo thường niên	36
CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY	36
Điều 52. Kiểm toán.....	36
CHƯƠNG XVII: DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	36
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp.....	36
CHƯƠNG XVIII: GIẢI THỂ CÔNG TY.....	36
Điều 54. Giải thể công ty.....	36
Điều 55. Gia hạn hoạt động	37
Điều 56. Thanh lý	37
CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	37
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	37
CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	38
Điều 58. Bổ sung và Điều lệ công ty	38
CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC	38
Điều 59. Ngày hiệu lực.....	38

21.
37
HI
GI
AN
N-T

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Công ty cổ phần khu công nghiệp Nam Tân Uyên thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức vào ngày 18 tháng 6 năm 2021.

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích từ ngữ.

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- a. *Vốn điều lệ* là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b. *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- c. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- d. *Luật chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2020;
- e. *Việt Nam* là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- f. *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g. *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- h. *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo qui định tại Điều lệ công ty;
- i. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán và khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp;
- k. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- l. *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- m. *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 điều 4 Luật chứng khoán;
- n. *Thời hạn hoạt động* là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- o. *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

